TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2020/HS-ST
Ngày: 18/6/2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lâm.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Bình;
Ông Trịnh Xuân Tháp.

Thư ký phiên tòa: Ông Đường Anh Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mến - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 44/2020/HSST ngày 25 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2020/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê Văn D, sinh năm 1999, tại Cần Thơ; Nơi đăng ký thường trú: 1216/30A, phường 12, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1982; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Chưa có vợ con; Tiền sự: Ngày 20/02/2020 bị UBND phường T, thành phố B xử phạt hành chính 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Tiền án: Ngày 29/11/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố B tuyên phạt 10 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, thời hạn tù tính từ ngày 20/9/2018, bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 20/7/2019; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/3/2020, chuyển tạm giam từ ngày 13/3/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

* Bị hại: Anh Trần Hữu Q, sinh năm 1982. (Có mặt)
Địa chỉ: Tổ 9, ấp C, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

* Người làm chứng:
- Anh Nguyễn Minh N, sinh năm 1993. (Vắng mặt)
Địa chỉ: 560/2, ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Anh Ngô Hữu P, sinh năm 1988. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ ngày 10/3/2020, Lê Văn D là đối tượng sống lang thang (có tiền án về tội trộm cắp tài sản) nhờ Nguyễn Minh N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu DaYang biển số 60K8-0834 (xe của Dưởng) chở D từ phường T, thành phố B đến huyện V. Trên đường đi, D nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên rủ N cùng tham gia để bán lấy tiền tiêu xài, N đồng ý. Khoảng 07 giờ cùng ngày, xe của D và N lưu thông đến khu vực đồng lúa thuộc ấp C, xã T, huyện V, D và N phát hiện xe mô tô màu đỏ hiệu MaJetty biển số 60S7-6558 của anh Trần Hữu Q dựng bên lề đường. N chạy xe chậm và D nhảy xuống xe đi đến dùng tay giật dây mát ổ khóa xe mô tô biển số 60S7-6558 của anh Q rồi điều khiển xe chạy theo N. Anh Q đang phun thuốc dưới ruộng lúa phát hiện đuổi theo, đồng thời gọi điện thoại báo anh Ngô Hữu P ở khu vực gần đó về việc có đối tượng lấy trộm xe. Anh P cầm cây ra đường cùng người dân bắt được D và N giao Công an xã T lập hồ sơ và chuyển cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V xử lý. Tại Cơ quan Công an D và N đã khai nhận hành vi trộm cắp tài sản như đã nêu trên.

* Tang vật tạm giữ:

- 01 xe mô tô MaJetty màu đỏ, biển số 60S7-6558, số khung A-024294, số máy FMH – 043306. Cơ quan điều tra Công an huyện V đã giao trả lại cho anh anh Trần Hữu Q.

- 01 biển kiểm soát 60K8- 0834 (D mượn của anh Nguyễn Văn C gắn vào xe mô tô Dayang màu đen, số khung DY01212680, số máy 150FM1212680). Cơ quan điều tra Công an huyện V đã giao trả lại cho anh Nguyễn Văn C.

- 01 xe mô tô Dayang màu đen có số khung DY01212680, số máy 150FM1212680 có biển kiểm soát 72F6-9335 do anh Nguyễn Phong H đứng tên sở hữu, anh H đã bán xe nhưng không làm thủ tục sang tên. Bà ngoại của D là Nguyễn Thị H mua lại sử dụng sau đó cho D sở hữu, sử dụng.

* Tại Kết luận định giá tài sản số 44/KL-ĐGTS ngày 13/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện V kết luận: Xe mô tô hiệu MaJesty màu đỏ, biển số 60S7-6558 trị giá 1.500.000 đồng.

* Về trách nhiệm dân sự: Anh Trần Hữu Q đã nhận lại xe, không yêu cầu bồi thường gì thêm.

* Đối với Nguyễn Minh N có hành vi trộm cắp tài sản nhưng tài sản trị giá dưới 2.000.000 đồng, N chưa có tiền án, tiền sự về hành vi chiếm đoạt tài sản nên chưa đủ yếu tố khởi tố xử lý Nhật về tội "Trộm cắp tài sản", Công an huyện V đã xử lý hành chính đối với N là phù hợp quy định pháp luật.

* Đối với anh Nguyễn Văn C khi cho D mượn biển số xe mô tô 60K8-

0834, anh C không biết D dùng vào mục đích đi trộm cắp tài sản nên không xử lý.

Tại Bản cáo trạng số 44/CT-VKSVC ngày 22/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố bị cáo Lê Văn D về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn D từ 08 tháng đến 10 tháng tù; về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 xe mô tô Dayang màu đen có số khung DY01212680, số máy 150FM1212680 và biển kiểm soát 72F6-9335; buộc bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

* Bị cáo Dưởng nói lời nói sau cùng: Bị cáo thấy hành vi của mình là trái pháp luật, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai và các tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra vụ án, đã có đủ cơ sở xác định: Khoảng 07 giờ ngày 10/3/2020, D và N điều khiển xe mô tô Dayang màu đen có số khung DY01212680, số máy 150FM1212680 lưu thông đến khu vực đồng lúa thuộc ấp C, xã T, huyện V, D và N phát hiện xe mô tô màu đỏ hiệu MaJetty biển số 60S7-6558 của anh Trần Hữu Q dựng bên lề đường. N chạy xe chậm, D nhảy xuống xe đi đến dùng tay giật dây mát ổ khóa xe mô tô biển số 60S7-6558 của anh Q rồi điều khiển xe chạy theo N. Anh Q đang phun thuốc dưới ruộng lúa phát hiện đuổi theo, đồng thời gọi điện thoại báo anh Ngô Hữu P ở khu vực gần đó về việc có đối tượng lấy trộm xe. Anh P cầm cây ra đường cùng người dân bắt được D và N giao Công an xã T lập hồ sơ và chuyển cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V xử lý. Tại Cơ quan Công an D và N đã khai nhận hành vi trộm cắp tài sản như đã nêu trên. Giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), bị cáo D không có ý kiến khiếu nại gì và đồng ý với giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt.

[3] Hội đồng xét xử thấy rằng: Năm 2018, bị cáo D bị Tòa án nhân dân

thành phố B tuyên phạt 10 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, bị cáo chưa được xóa án tích mà còn vi phạm. Như vậy, đủ cơ sở kết luận hành vi nêu trên của bị cáo đủ yêu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố và viện dẫn.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được Nhà nước bảo vệ, làm mất trật tự xã hội tại địa phương. Do đó, cần phải có mức hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện nhằm cải tạo, răn đe đối với bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Do người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường dân sự gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 xe mô tô Dayang màu đen có số khung DY01212680, số máy 150FM1212680 (xe không yếm, không gương, không bửng, không đèn) và 01 biển kiểm soát 72F6-9335 bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[8] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tại phiên tòa phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173; các Điều 46, 47; điểm h, s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các Điều 106, 136, 327, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Lê Văn D 08 (Tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/3/2020.

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Do người bị hại không có yêu cầu bồi thường dân sự gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 xe mô tô Dayang màu đen có số khung DY01212680, số máy 150FM1212680 (xe không yếm, không gương, không bửng, không đèn) và 01 biển kiểm soát 72F6-9335. (Theo biên bản giao

nhận vật chứng, tài sản ngày 27/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Đồng Nai).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Lê Văn D phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện V;
- Công an huyện V;
- Cơ quan Thi hành án hình sự huyện V;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Thi hành án dân sự huyện V;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Lâm